

An Giang, ngày 09 tháng 4 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mức nước trên sông Tiền, sông Hậu xuống chậm, khu vực nội đồng mức nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mức nước lên chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước xuống chậm. Mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 08/4 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-35cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mức nước xuống chậm, mức nước cao nhất ngày 08/4 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 25-35cm và cao hơn TBNN từ 05-15cm. Mức nước thấp nhất phổ biến thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-25cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mức nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm. Mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 08/4 phổ biến thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-30cm.

- Khu vực cửa sông: Mức nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 08/4 trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô ở mức 37cm, lên 2cm so với đỉnh triều ngày hôm trước.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mức nước trên các sông, kênh xuống chậm theo triều trong 1-2 ngày tới, sau lên chậm.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mức nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm theo triều trong 1-2 ngày tới, sau lên chậm.

- Khu vực nội đồng TGLX: mức nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm trong những ngày tới.

- Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống chậm theo xu thế triều biến Tây trong những ngày tới.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên sông, kênh theo triều xâm nhập vào nội đồng.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 10/4/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin

Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch		Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với		So với cùng		So với		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	08/4		07/04		kỳ 2025		TBNN		09/4	10/4	11/4	12/4	13/4
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	91	-8	▼	-36	▼	-7	▼	86	83	85	89	94
					Hmin	-43	-6	▼	-19	▼	-37	▼	-45	-43	-41	-38	-34
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	102	-7	▼	-32	▼	3	▲	97	94	96	100	105
					Hmin	-55	-6	▼	-20	▼	-24	▼	-57	-55	-53	-50	-46
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	90	-5	▼	-13	▼	-6	▼	87	85	84	86	89
					Hmin	10	-6	▼	-1	▼	-14	▼	6	4	2	4	7
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	110	-9	▼	-32	▼	6	▲	106	103	105	109	113
					Hmin	-44	-8	▼	-20	▼	-32	▼	-47	-45	-43	-40	-36
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	120	-7	▼	-26	▼	15	▲	115	112	114	118	122
					Hmin	-49	-6	▼	-17	▼	-7	▼	-51	-49	-47	-44	-40
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	103	-11	▼	-33	▼	0	◀▶	98	95	98	102	107
					Hmin	-50	-6	▼	-18	▼	-27	▼	-51	-49	-47	-44	-40
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	24	-3	▼	-20	▼	-4	▼	21	19	20	21	22
					Hmin	-3	-5	▼	-18	▼	-6	▼	-6	-8	-7	-6	-5
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	15	-3	▼	-21	▼	-8	▼	12	10	11	12	13
					Hmin	7	-3	▼	-19	▼	-12	▼	4	2	3	4	5
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	22	-3	▼	-23	▼	-15	▼	19	17	18	19	20
					Hmin	14	-3	▼	-23	▼	-16	▼	11	9	10	11	12
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	23	-3	▼	-24	▼	-11	▼	20	18	19	20	21
					Hmin	16	-3	▼	-22	▼	-13	▼	13	11	12	13	14
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	33	-3	▼	-20	▼	-6	▼	30	28	29	30	31
					Hmin	22	-5	▼	-23	▼	-11	▼	19	17	18	19	20
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	27	-2	▼	-19	▼	-2	▼	26	24	24	25	26
					Hmin	-1	-4	▼	-15	▼	-8	▼	-4	-6	-5	-4	-3
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	40	-2	▼	-21	▼	11	▲	39	37	37	38	39
					Hmin	23	-5	▼	-15	▼	4	▲	20	18	19	20	21
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	33	-2	▼	-22	▼	-4	▼	32	30	30	31	32
					Hmin	24	-4	▼	-17	▼	-4	▼	21	19	20	21	22
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	21	-3	▼	-13	▼	6	▲	19	17	18	19	20
					Hmin	11	-3	▼	-10	▼	2	▲	8	6	7	8	9
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	58	-3	▼	-20	▼	14	▲	56	54	55	56	57
					Hmin	38	-4	▼	-13	▼	10	▲	35	33	34	35	36
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	80	-1	▼	-12	▼	17	▲	78	76	77	78	79
					Hmin	30	-4	▼	-12	▼	-1	▼	27	25	26	27	28
Rạch Giá-Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	Hmax	52	-4	▼	-21	▼	3	▲	50	48	49	50	51
					Hmin	24	-4	▼	-16	▼	-6	▼	22	20	21	22	23
	Tân Thành	120	150	180	Hmax	40	-1	▼	-23	▼	-7	▼	39	37	38	39	40
					Hmin	21	-4	▼	-19	▼	-10	▼	19	17	18	19	20
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	26	0	◀▶	-22	▼	-2	▼	25	23	24	25	26
					Hmin	11	-1	▼	-23	▼	1	▲	9	7	8	9	10

Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	9	1	▲	-22	▼	-20	▼	8	9	10	11	12
					Hmin	-16	-2	▼	-31	▼	8	▲	-18	-20	-18	-16	-14
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	37	2	▲	-24	▼	-1	▼	36	35	33	31	29
					Hmin	-37	-3	▼	-26	▼	-5	▼	-36	-35	-33	-31	-29

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ◀ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





